

Bản án số: 491/2024/HC-PT

Ngày: 28/8/2024

*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm  
hành chính*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 237/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính” do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Đào Hồng T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Minh Đ, bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H1, ông Đào Hùng M1, ông Trần Văn H2, ông Hoàng Doanh T2, bà Đào Thị N1, ông Nguyễn Đức T3 đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H3.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7574/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

\* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

**Đại diện theo ủy quyền của bà M:** Ông Đặng Đình P, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm 3, xã T5, huyện T6, tỉnh H5.

\* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T4, thành phố H3.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn V – Phó chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 5, xã T7, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Đào Hồng T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Đào Hùng M1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 5, xã T7, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Trần Văn H2, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn 5, xã T7, huyện T4, thành phố H3.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Hoàng Doanh T2, sinh năm 1983; địa chỉ: Tòa C, KĐT M2, phường M3, quận N2, thành phố H6.

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Bà Đào Thị N1, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 68 B, phường H7, quận H8, thành phố H3.

- Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

- Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã H4, huyện T4, thành phố H3.

Tại phiên tòa, bà M, ông P, bà H, ông T2, ông K, ông T1, bà N và ông K1 có mặt còn các đương sự khác đều vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2021 và các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung lần lượt đề các ngày 12/7/2021, 14/9/2021, 25/9/2021, 11/10/2021, 29/10/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là các ông Hoàng Doanh T2, Trần Đại P1 và Trần Văn H9 thống nhất trình bày nội dung:*

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định hành chính sau của UBND huyện T4:

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 của UBND huyện T4.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại số 3719/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND huyện T4.

3. Quyết định cưỡng chế số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021 của UBND huyện T4.

4. Quyết định cưỡng chế số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 của UBND huyện T4.

5. Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 của Phó Chủ tịch UBND huyện T4 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Vì các lý do sau đây: Về nguồn gốc đất, đây là một phần diện tích được bà và chồng là ông Nguyễn Văn C1; sau đó nhiều năm là cùng các con khai hoang phục hóa từ năm 1987 và sử dụng để ở từ thời điểm đó cho đến nay. Việc khai hoang phục hóa của gia đình bà M đã được các ông Vũ Thượng V1 và ông Phan Văn T8 nguyên là chủ tịch UBND xã H4 xác nhận. Bất chấp quá trình sử dụng đất của gia đình bà M ông C1 đã ổn định và lâu dài, không có tranh chấp với ai, ngày 31/5/2021 UBND huyện T4 đã ra Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC để xử phạt bà M và cáo buộc bà có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa do UBND xã H4 quản lý tại thửa đất số 961, tờ bản đồ số 04. Căn cứ theo Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND cấp xã có quyền quản lý quỹ đất nông nghiệp như sau:

“ Điều 132. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích.

1. Căn cứ vào quỹ đất, đặc điểm và nhu cầu của địa phương, mỗi xã, phường, thị trấn được lập quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích

không quá 5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương.

Đất nông nghiệp do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trả lại hoặc tặng cho quyền sử dụng cho Nhà nước, đất khai hoang, đất nông nghiệp thu hồi là nguồn để hình thành hoặc bổ sung cho quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

Đối với những nơi đã để lại quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích vượt quá 5% thì diện tích ngoài mức 5% được sử dụng để xây dựng hoặc bồi thường khi sử dụng đất khác để xây dựng các công trình công cộng của địa phương; giao cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tại địa phương chưa được giao đất hoặc thiếu đất sản xuất.

2. Quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn để sử dụng vào các mục đích sau đây:

a) Xây dựng các công trình công cộng của xã, phường, thị trấn bao gồm công trình văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí công cộng, y tế, giáo dục, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa và các công trình công cộng khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Bồi thường cho người có đất được sử dụng để xây dựng các công trình công cộng quy định tại điểm a khoản này;

c) Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương.

3. Đối với diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá để cho thuê. Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 05 năm.

Tiền thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích phải nộp vào ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và chỉ được dùng cho nhu cầu công ích của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.”

Như vậy, căn cứ vào quy định nói trên thì UBND cấp xã có quyền quản lý quỹ đất nông nghiệp tại địa phương nhưng không được vượt quá 5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương và việc quản lý, sử dụng phải theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Theo đó, về nguyên tắc UBND xã H4 phải quản lý đối với ít nhất hai loại đối tượng văn bản thể hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về đất đai của cấp xã, phường là:

- Tài liệu thể hiện ranh giới, lịch sử xác lập, vị trí quỹ đất 5% do cấp xã đề xuất theo Điều 132 Luật Đất đai năm 2013.

- Tài liệu thể hiện phê duyệt của UBND huyện T4 đối với quỹ đất 5% theo Điều 132 Luật Đất đai năm 2013.

Tuy đã nhiều lần yêu cầu, nhưng UBND xã H4 đến nay vẫn không cung cấp được tài liệu về việc quản lý quỹ đất 5% là thuộc những vị trí nào và cũng không chứng minh được phần đất của bà Nguyễn Thị M và chồng là ông Nguyễn Văn C1 khai hoang phục hóa có nằm trong diện tích 5% thuộc quyền quản lý của UBND xã H4 hay không. Trong suốt quá trình khai hoang phục hóa và sử dụng đất tại khu vực Đ1 của gia đình bà M ông C1 thì đều không có bất kỳ cơ quan nào nhắc nhở, xử phạt về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp hay sử dụng đất trái mục đích. Từ đây người khởi kiện cho rằng UBND huyện T4 đã không chứng minh được đối với người bị xử phạt về việc bà M có hành vi vi phạm đất đai và không cung cấp được cho người bị xử phạt các văn bản chứng minh chính xác đối tượng bị cho là vi phạm thuộc quyền quản lý của UBND xã H4 nên dẫn đến việc UBND huyện T4 ban hành Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị M về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa do UBND xã H4 quản lý tại thửa đất số 961, tờ bản đồ số 04, khu Đ1 xã H4 là hoàn toàn sai và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của bà M. Từ việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không có căn cứ, dẫn đến việc UBND huyện T4 lần lượt ban hành các Quyết định cưỡng chế số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021, Quyết định cưỡng chế số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 (thay thế Quyết định số 3644), Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6486) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3719/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 là hoàn toàn sai lầm và không có căn cứ.

*Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là UBND huyện T4 thống nhất trình bày như sau:*

Qua kiểm tra, xem xét các hồ sơ lưu trữ liên quan đến các quyết định hành chính nêu trên mà bà Nguyễn Thị M đang khởi kiện tại Tòa án thì người bị kiện là UBND huyện T4 trình bày như sau:

\* Về hồ sơ quản lý đất đai:

Theo hồ sơ quản lý đất công điền hiện lưu trữ tại UBND xã H4 thể hiện: Việc sử dụng diện tích đất đầu thầu của hộ bà Nguyễn Thị M theo từng giai đoạn như sau: Năm 2003, diện tích 1.861m<sup>2</sup>; năm 2009, diện tích 1.674m<sup>2</sup>; năm 2012, diện tích 600m<sup>2</sup>; năm 2020 diện tích 600m<sup>2</sup>. Như vậy, đến năm 2020 hộ bà Nguyễn Thị M chỉ còn quản lý, sử dụng diện tích đất đầu thầu là 600m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích 600m<sup>2</sup> đất nêu trên mà hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án.

Theo sổ mục kê năm 1978 và bản đồ giải thửa 299 hiện đang lưu trữ tại UBND xã H4, thể hiện hộ bà Nguyễn Thị M (chồng là ông Nguyễn Văn C1) đang sử dụng đất tại thửa số 961, tờ bản đồ số 04, có nguồn gốc là đất nông nghiệp 1 lúa. Việc bà M trình bày vợ chồng bà cùng các con đã khai hoang phục hóa, sử dụng đất ổn định lâu dài từ năm 1987, đồng thời xuất trình 02 bản photo đơn xin xác nhận diện tích đất khai hoang phục hóa, tuy nhiên diện tích sử dụng đất tại 02 đơn này là khác nhau (01 bản diện tích là 2.560m<sup>2</sup>; 01 bản diện tích là 560m<sup>2</sup>). Do vậy, không đủ cơ sở xác định diện tích đất thực tế do hộ bà Nguyễn Thị M khai hoang sử dụng. Mặt khác, theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng H3 lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 11/4/2017 để thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới B1 thể hiện vị trí khu đất bà Nguyễn Thị M sử dụng vi phạm là đất trồng do UBND xã H4 quản lý, nằm ngoài diện tích đất của bà M bị thu hồi để thực hiện Dự án.

Như vậy, vị trí đất bà Nguyễn Thị M tự ý sử dụng đất để làm ngõ đi và xếp gạch papanh thành hình móng nhà tại khu vực Đ1 là đất nông nghiệp trồng lúa do UBND xã H4 quản lý. Việc bà M kiến nghị cho rằng vị trí đất nêu trên do gia đình bà M khai hoang, sử dụng từ năm 1987 đến nay là không có cơ sở.

\* Về việc xử lý vi phạm hành chính về đất đai:

- Các ngày 16/5/2021, 21/5/2021 và 22/5/2021, UBND xã H4 đã lập biên bản kiểm tra việc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M tại khu vực Đ1 thì phát hiện bà Nguyễn Thị M tự ý xếp gạch làm ngõ đi và thành hình móng nhà trên diện tích đất nông nghiệp tại thửa số 961, tờ bản đồ số 04 do UBND xã H4 quản lý, nằm trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới B1.

- Ngày 26/5/2021, UBND xã H4 lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị M về hành vi chiếm đất nông nghiệp và xây dựng công trình trên đất vi phạm theo điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Vị trí đất vi phạm tại thửa số 961, tờ bản đồ số 04, cụ thể:

+ Ngày 16/5/2021, bà Nguyễn Thị M đã làm ngõ đi diện tích khoảng 70m<sup>2</sup>, hai bên lối đi xây gạch papanh, mặt lối đi được trải bằng đất mặt.

+ Ngày 21/5/2021, bà Nguyễn Thị M tiến hành xếp gạch papanh quây thành hình móng nhà tại 02 vị trí, mỗi vị trí có diện tích 25m<sup>2</sup>, xếp từ 3 đến 4 hàng gạch chưa chít mạch vữa.

+ Ngày 22/5/2021, bà Nguyễn Thị M tiếp tục xếp gạch papanh quây thành hình móng nhà tại 01 vị trí có diện tích 25m<sup>2</sup>, xếp 3 hàng gạch, chưa chít mạch vữa.

- Ngày 27/5/2021, UBND xã H4 có Tờ trình số 10/TTr-UBND đề nghị UBND huyện T4 ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Ngày 31/5/2021, Phó Chủ tịch UBND huyện T4 ban hành Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị M đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, cụ thể: Chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân xã H4 quản lý tại thửa đất số 961, tờ bản đồ số 04, khu Đ1, xã H4. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, với mức phạt tiền là 4.000.000 đồng. Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm.

- Bà Nguyễn Thị M đã không chấp hành thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T4. Ngày 07/6/2021, bà Nguyễn Thị M có đơn khiếu nại Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021. Ngày 10/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện T4 đã ban hành Văn bản số 263/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 10/6/2021, UBND huyện T4 đã ban hành Quyết định số 3099/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị M. Ngày 30/6/2021, UBND huyện T4 đã ban hành Quyết định số 3719/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M, quyết định bác đơn của bà Nguyễn Thị M khiếu nại Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm chấp hành Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T4 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

\* Về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

Ủy ban nhân dân huyện T4 đã ban hành Quyết định số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021, Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 thay thế Quyết định số 3644/QĐ-CCXP; Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021; Quyết định số 7806/QĐ-CCXP ngày 25/10/2021 thay thế Quyết định số 6486/QĐ-CCXP và Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị M phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân xã H4 quản lý tại thửa đất số 961, tờ bản đồ 04 khu Đ1, xã H4. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Làm thay đổi hiện trạng khu đất, dẫn tới không thể sử dụng đất vào mục đích ban đầu. Biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải thực hiện: Buộc bà Nguyễn Thị M tháo dỡ công trình vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu thửa đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã lấn chiếm.

Từ những căn cứ nêu trên, quan điểm của UBND huyện T4 là việc ban hành các Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021; Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021; Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021; Quyết định số 7806/QĐ-CCXP ngày 25/10/2021 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị M của UBND huyện T4 là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND huyện T4 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H3 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc khiếu kiện hủy các quyết định hành chính nêu trên.

*Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt là:* Các ông, bà Nguyễn Thị H1, Đào Hồng T, Đào Hùng M1, Trần Văn H2, Nguyễn Thị H, Hoàng Doanh T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Vũ Thị L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Minh Đ, Phạm Thị N, Đào Thị N1, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Văn K1 có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận việc mua bán, cho tặng các diện tích đất giữa các ông, bà với bà Nguyễn Thị M là có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H3 đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 38, 52, 54, 57, 58, 66, 67, 68, 73, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; các Điều 18, 27, 28, 29, 31, 32, 33 Luật Khiếu nại; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 của UBND huyện T4.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 3719/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND huyện T4.

- Quyết định cưỡng chế số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021 của UBND huyện T4.

- Quyết định cưỡng chế số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 của UBND huyện T4.



- Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 của UBND huyện T4.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị M, ông Đào Hồng T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Minh Đ, bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H1, ông Đào Hùng M1, ông Trần Văn H2, ông Hoàng Doanh T2, bà Đào Thị N1, ông Nguyễn Đức T3 có đơn kháng cáo toàn bộ và đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ có ý kiến thể hiện: Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người kháng cáo không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Ngày 30/6/2021, bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện vụ án hành chính và sau đó có các đơn khởi kiện bổ sung đến Tòa án nhân dân thành phố H3 yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 của UBND huyện T4; Quyết định giải quyết khiếu nại số 3719/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND huyện T4; Quyết định số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021 của UBND huyện T4; Quyết định cưỡng chế số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 của UBND huyện T4; Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 của UBND huyện T4. Tòa án nhân dân thành phố H3 thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 2, khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND huyện T4, đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là các ông, bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn K1 (con bà M), ông Đào

Hùng M1, Đào Hồng T, Trần Văn H2, Nguyễn Văn K, Vũ Thị L1, Hoàng Thị Diệm, Nguyễn Thị L2, Đào Thị N1, Nguyễn Đức T3 vắng mặt. Xét thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 3, các đương sự kháng cáo đã được triệu tập nhưng vắng mặt, mặt khác nội dung kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tương đồng nhau. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về nguồn gốc của thửa đất 961, tờ bản đồ số 04 tại khu vực Đ1.

Tại dòng số 5, trang số 42 của sổ mục kê năm 1978 lưu tại UBND xã H4 và đối chiếu bản đồ giải thửa 299 thể hiện: Thửa số 961 (số thửa cũ là 155), tờ bản đồ số 04, diện tích là 5 sào 7 thước (tức 1.974m<sup>2</sup>), địa danh xứ đồng Đ1, loại đất sử dụng là đất 1 lúa, không ghi tên chủ quản lý cũ và không có đăng ký chính, biến động gì khác. Bà Nguyễn Thị M trình bày vợ chồng bà và các con khai hoang phục hóa diện tích đất nêu trên và sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay, không có tranh chấp với ai và không bị cơ quan nào xử phạt. Tuy nhiên, bà M không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định trao quyền sử dụng đất. Bà M xuất trình 02 bản photo đơn xin xác nhận của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn C1 đề nghị xác nhận nội dung: “Năm 1978, gia đình tôi xuống ở khu nghĩa địa để an cư lạc nghiệp tới năm 1987, gia đình tôi đã khai hoang phục hóa một số diện tích ở khu Đ1 để ở và trồng hoa màu, để làm nhà ở ...”. 02 đơn xin xác nhận đều không đề ngày tháng năm, có ông Vũ Thượng V1 và ông Phạm Văn Tĩnh chứng thực nội dung như trong đơn đã trình bày là sự thật, và có Chủ tịch Đồng Xuân Chuyên xác nhận ông Vũ Thượng V1 và Phạm Văn Tĩnh nguyên là chủ tịch xã và chữ ký của các ông là đúng sự thực, ngoài ra không xác nhận nội dung gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì bà M không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[3.2.1]. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021 của UBND huyện T4; Quyết định số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021, Quyết định cưỡng chế số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 và Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 của UBND huyện T4:

Theo mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng H3 lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 11/4/2017 để thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới B1 thể hiện vị trí thửa đất số 961, tờ bản đồ số 04 tương ứng với thửa đất số 219, tờ bản đồ số 06, trên đất không có công trình xây dựng.

Ngày 16/5/2021, UBND xã H4 lập biên bản kiểm tra thực địa mặt bằng khu đất Đ1, bà Nguyễn Thị M có hành vi làm ngõ đi, rải đá mặt, xây bờ gạch papanh trên thửa đất số 961, tờ bản đồ số 04.

Ngày 21/5/2021, UBND xã H4 lập biên bản kiểm tra thực địa mặt bằng khu đất Đ1, bà Nguyễn Thị M có hành vi xếp gạch papanh quây từ 1 đến 2 hàng (chưa chít mạch vữa) tại 02 vị trí thuộc thửa đất số 961, tờ bản đồ số 04.

Ngày 22/5/2021, UBND xã H4 lập biên bản kiểm tra thực địa mặt bằng khu đất Đ1, bà Nguyễn Thị M tiếp tục xếp gạch papanh quây tại vị trí số 1, số 2 (đã xếp trước đó ngày 21/5/2021) lên 3 đến 4 hàng. Tiếp tục xếp gạch papanh quây thêm 01 vị trí mới tạo thành hình móng, hiện đã xếp được 3 hàng.

Ngày 26/5/2021, UBND xã H4 lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị M đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp và xây dựng công trình trên đất tại thửa số 961, tờ bản đồ 04, tuy nhiên bà M không ký tên vào biên bản. Ngày 27/5/2021, UBND xã H4 lập biên bản giao nhận biên bản vi phạm hành chính cho bà Nguyễn Thị M, tuy nhiên bà M đọc nội dung biên bản song không nhận. Cùng ngày 27/5/2021, UBND xã H4 có Tờ trình số 10/Ttr-UBND về việc đề nghị UBND huyện T4 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm của bà Nguyễn Thị M và gửi Báo cáo số 196/BC-UBND cho UBND huyện T4 để xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Doanh T2 đều cho rằng việc UBND huyện T4 đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là không đúng đối tượng vì UBND huyện T4 không chứng minh được bà Nguyễn Thị M là người đã trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm như UBND xã H4 đã lập biên bản. Tuy nhiên, bà M cũng đồng thời xác nhận bà là người khai hoang phục hóa, đang sử dụng thửa đất số 961 và đã thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất cho một số cá nhân song chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất này. Bà M được giao nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2692/QĐ-XPVPHC ngày 31/5/2021. Ngày

07/6/2021, UBND huyện T4 nhận được đơn khiếu nại đối với Quyết định số 2692 của bà Nguyễn Thị M. Đơn khiếu nại không đề cập đến nội dung về chủ thể thực hiện hành vi và cụ thể các hành vi đã thực hiện như ghi nhận tại các biên bản kiểm tra thực địa và biên bản vi phạm hành chính do UBND xã H4 lập.

Căn cứ vào Quyết định số 6845/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện T4 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính, ngày 31/5/2021, Phó Chủ tịch UBND huyện T4 đã ban hành Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị M là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 38, 52, 54, 58, 66, 67, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Do bà Nguyễn Thị M không tự nguyện thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên UBND huyện T4 đã ban hành Quyết định số 3644/QĐ-CCXP ngày 25/6/2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 (thay thế Quyết định số 3644/QĐ-CCXP) và Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021 (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6486/QĐ-CCXP) của UBND huyện T4 là phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Ngày 25/10/2021, UBND huyện T4 ban hành Quyết định số 7806/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, thay thế Quyết định số 6486/QĐ-CCXP ngày 10/9/2021 và Quyết định số 6914/QĐ-SĐCCXP ngày 24/9/2021. Mặc dù người khởi kiện không khởi kiện đối với Quyết định số 7806, song đây là quyết định cuối cùng về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế cho các Quyết định cưỡng chế số 6486 và Quyết định cưỡng chế số 6914 nên căn cứ Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định cưỡng chế nêu trên là đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 18, 28, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3.2.2] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện T4:

Ngày 10/6/2021, UBND huyện T4 thụ lý đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị M khiếu nại đối với Quyết định số 2692/QĐ-XPVPHC. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, theo quy định của Luật Khiếu nại, UBND huyện T4 đã tiến hành các bước giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu và đảm bảo trong thời hạn quy định. Cụ thể, ngày 10/6/2021, UBND huyện T4 ra Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 28/6/2021, Đoàn xác minh đã lập báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị M. Ngày 30/6/2021, UBND huyện T4 ban hành Quyết định số 3719/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị M. Mặc dù việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện T4 tuân thủ về thời hạn, thủ tục, song UBND huyện T4

không tổ chức đối thoại theo Điều 30 của Luật Khiếu nại là còn thiếu sót, cần phải được khắc phục.

[4]. Xét kháng cáo của những người có quyền lợi liên quan là các ông, bà Nguyễn Thị H1, Đào Hồng T, Đào Hùng M1, Trần Văn H2, Nguyễn Thị H, Hoàng Doanh T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Minh Đ, Phạm Thị N, Đào Thị N1, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Văn K1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã không triệu tập người làm chứng, tuyên án thiếu cơ sở; không xem xét giải quyết yêu cầu công nhận việc mua bán quyền sử dụng đất giữa ông, bà với bà Nguyễn Thị M là có hiệu lực pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nguyễn Thị H1, Đào Hồng T, Đào Hùng M1, Trần Văn H2, Nguyễn Thị H, Hoàng Doanh T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Vũ Thị L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Minh Đ, Phạm Thị N, Đào Thị N1, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Văn K1 có đơn đề nghị Tòa án công nhận việc mua bán quyền sử dụng đất giữa ông, bà với bà Nguyễn Thị M là có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy: bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các quyết định cưỡng chế liên quan, Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện T4. Các đương sự là ông, bà Nguyễn Thị H1, Đào Hồng T, Đào Hùng M1, Trần Văn H2, Nguyễn Thị H, Hoàng Doanh T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Vũ Thị L1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Minh Đ, Phạm Thị N, Đào Thị N1, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Văn K1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà UBND huyện T4 đã áp dụng với bà Nguyễn Thị M. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, các ông bà có tên nêu trên có đơn khiếu nại và đã được trả lời về việc yêu cầu công nhận giao dịch chuyển nhượng nhà đất giữa các hộ dân với bà M là quan hệ pháp luật dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết tại vụ án hành chính. Các hộ dân và bà M có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu xem xét các giao dịch giữa họ theo thủ tục tố tụng dân sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết các yêu cầu công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị M và các ông, bà có tên trên trong vụ án này là có căn cứ.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xuất trình thêm được tài liệu gì mới để làm căn cứ cho nội dung kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Do bà Nguyễn Thị M và

ông Nguyễn Minh Đ là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Đào Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Minh Đ, Phạm Thị N, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Thị H1, Đào Hùng M1, Trần Văn H2, Hoàng Doanh T2, Đào Thị N1, Nguyễn Đức T3; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 26/09/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H3.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Minh Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm; các ông, bà Nguyễn Thị H1, Đào Hồng T, Đào Hùng M1, Trần Văn H2, Nguyễn Thị H, Hoàng Doanh T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D1, Phạm Thị N, Đào Thị N1, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Văn K1 mỗi người phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ các ông bà có tên trên đã nộp tại các Biên lai thu số 0000287 ngày 13/11/2023; 0000263, 0000264 ngày 16/11/2023; 0000285, 0000286, 0000284 ngày 10/11/2023; 0000280 ngày 06/11/2023; 0000246, 0000247, 0000248, 0000249, 0000250, 0000451, 0000452 ngày 09/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H3.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP H3;
- VKSND TP H3;
- Cục THADS TP H3;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Thu Hà**